

Bản án số: 34 /2020/HS-ST

Ngày 23 tháng 6 năm 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Văn Đạt**.

Các Hội thẩm: Bà Hoàng Thị Đào.

Ông Lê Minh Tường.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Vận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An:

Bà: Hoàng Thị Bình: Kiểm sát viên:

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã C huyện Q, tỉnh Nghệ An xét xử lưu động công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2020/TLST-HS, ngày 24 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41 /2020/QĐXXST-HS ngày 10/ 6 /2020 đối với bị cáo:

**Trương Đình T:** Sinh năm 1962.

Trú tại: Xóm Q, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt nam, Dân tộc: Thổ, Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam.

Trình độ văn hóa: 10/10, Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Trương Đình K và con bà Hoàng Thị L.

Vợ Trương Thị L, con có hai người lớn 36 tuổi, nhỏ 33 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân năm 2003 bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15 tháng 3 năm 2020. Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ 15 phút, ngày 15 tháng 3 năm 2020, Công an huyện Q kiểm tra phát hiện, bắt quả tang Trương Đình T có hành vi tàng trữ 02 gói ma túy (Hê roin) có tổng khối lượng là 0,550 gam và 01 gói ma túy (Methamphetamine) có khối lượng là 0,850 gam. Tại cơ quan điều tra Trương Đình

T khai nhận bản thân là người nghiện ma túy, nên vào khoảng 15 giờ ngày 15 tháng 3 năm 2020 Toàn đi ra khu vực ngã ba Săng Lẽ thuộc xã T nhờ một người đàn ông không quen biết mua 02 gói Hê roin với giá 600.000đ đem về để sử dụng còn 01 gói Methamphetamine là Đào Xuân Đ.

Bản kết luận giám định số: 411/ KL- PC09 ngày 20/ 3 /2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Mẫu chất bột nén màu trắng (ký hiệu M1) thu giữ của Trương Đình T gửi tới giám định là ma túy (Hê roin). Chất bột nén màu trắng (01 gói) thu giữ của Trương Đình T có khối lượng là 0,550g. Mẫu các hạt tinh thể trong suốt ( ký hiệu M2) thu giữ của Trương Đình T gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine). Các hạt tinh thể trong suốt (01 gói) thu giữ của Trương Đình T có khối lượng là 0,850g.

Bản cáo trạng số: 35/CT-VKSQH ngày 22/ 4 /2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Trương Đình T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trương Đình T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Trương Đình T từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, một chiếc cân tiểu ly điện tử được niêm phong và 01 phong bì thư đang niêm phong ma túy thu của bị cáo Trương Đình T, trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động OPPO A3S màu đỏ và số tiền không liên quan đến hành vi phạm tội.

Án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc “ Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Đình T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[ 1 ]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[ 2 ]. Những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội.

Lời khai của bị cáo, kết luận số: 411/ / KL- PC09 ngày 20/ 3 /2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên

bản khám xét, biên bản mở niêm phong lấy mẫu giám định và niêm phong lại. Bị cáo đã có hành vi phạm tội như sau; Vào hồi 18 giờ 15 phút, ngày 15 tháng 3 năm 2020, Trương Đình T bị bắt quả tang có hành vi tàng trữ trái phép 02 gói ma túy (Hê roin) có tổng khối lượng là 0,550 gam và 01 gói ma túy (Methamphetamine) có khối lượng là 0,850 gam. Hành vi của bị cáo Trương Đình T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là có căn cứ.

[ 3 ]. Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Trương Đình T là một đối tượng nghiện ma túy, nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo phạm tội nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Hành vi này làm mất ổn định trật tự tại địa bàn và phát sinh nhiều tệ nạn xã hội.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trương Đình T không có tiền án, tiền sự, có nhân thân xấu. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Do vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nhưng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

[ 4 ]. Vật chứng: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá và 01 phong bì thư được niêm phong số ma túy, 01 cân điện tử thu giữ của bị cáo Trương Đình T. Trả lại cho bị cáo Trương Đình T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ, số tiền 1.450.000đ là vật chứng bị thu giữ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng” do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo Trương Đình T là một đối tượng nghiện, kinh tế gia đình khó khăn, do vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với người đàn ông đi mua ma túy cho bị cáo Trương Đình T không xác minh được họ tên, địa chỉ nên không có cơ sở để điều tra xử lý.

Đối với Đào Xuân Đ mà Trương Đình T khai nhận là đã cho bị cáo số ma túy là Methamphetamine, qua đối chất thì Đào Xuân Đ không thừa nhận và ngoài ra không có căn cứ, do vậy không có cơ sở để xử lý.

[ 5 ] Về án phí. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Trương Đình T** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

- Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trương Đình T: **02** (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là 15/ 3 /2020.

- Áp dụng: Điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá và 01 phong bì thư được niêm phong số ma túy và 01 chiếc cân tiểu ly điện tử thu giữ của bị cáo Trương Đình T. Trả lại cho bị cáo cáo Trương Đình T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ chi tiết thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An. Trả lại cho bị cáo Trương Đình T số tiền 1.450.000đ (*Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn*) đồng số tiền được niêm phong bằng phong bì thư chi tiết thể hiện tại biên bản giao nhận tài sản ngày 06 tháng 4 năm 2020 giữa Công an huyện Q và Kho bạc Nhà nước Q.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trương Đình T phải chịu án phí HSST là 200.000đ (*Hai trăm ngàn*) đồng

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tỉnh Nghệ An.

**Nơi nhận:**

- PGĐ kiểm tra TA Tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Công an huyện Quỳnh Hợp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Tam Hợp.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**ĐÀO VĂN ĐẠT**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**HOÀNG THỊ ĐÀO**

**LÊ MINH TUỜNG**

**ĐÀO VĂN ĐẠT**

***Nơi nhận:***

- PGĐ kiểm tra TA Tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an huyện Quỳnh Hợp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Tam Hợp.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**ĐÀO VĂN ĐẠT**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**                      **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HƯỜNG

VI VĂN BÓN

ĐÀO VĂN ĐẠT

**Nơi nhận:**

- PGĐ kiểm tra TA Tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Công an huyện Quỳnh Hợp;
- Những người tham gia tố tụng;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**ĐÀO VĂN ĐẠT**



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐẶNG THẾ QUẾ**

**LÔ VĂN SƠN**

**ĐÀO VĂN ĐẠT**



